

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2017/DS-ST

Ngày: 08/8/2017

V/v T/C hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trịnh Lệ Thúy**

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Xươngne**

2. Bà **Lưu Thị Tám**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Linh Đa**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Không

Ngày 08/8/2017, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2017/TLST-DS ngày 14/4/2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2017/QĐXXST-DS ngày 07/7/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2017/QĐST-DS, ngày 25/7/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: - Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1951 (vắng mặt)

- Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1951 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp C, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau: Theo đơn khởi kiện ngày 03/4/2017, trong quá trình giải quyết vụ án bà **Nguyễn Thị T** trình bày: Ngày 30/7/2016, ông **Nguyễn Văn T1** cùng vợ là bà **Trần Thị N** có vay của bà 05 chỉ vàng 24k, lãi 100.000 đồng/chỉ/tháng và 23.000.000 đồng, lãi 5%/tháng. Đến ngày

28/8/2016, ông T1 và bà N có làm giấy cam kết khi nào cần thì bà T thông báo trước 04 tháng thì ông T1 và bà N sẽ trả vàng và tiền lại. Tuy nhiên, bà T đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông T1, bà N cứ hẹn mà không trả nợ. Từ ngày vay cho đến nay ông T1 và bà N không có trả lãi cho bà tháng nào.

Theo đơn khởi kiện thì bà T có yêu cầu tính lãi từ ngày 28/8/2016 ã, theo mức lãi suất Ngân hàng nhà nước công bố. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn T1, bà Trần Thị N trả lại 05 chỉ vàng 24k và 23.000.000 đồng vốn, không tính lãi.

Ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị N khai: (Từ khi Tòa án thụ lý vụ kiện cho đến nay, ông T1 và bà N không đến Tòa án để tham gia tố tụng, từ đó Tòa án không thu thập được lời khai của ông T1 và bà N)

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện chỉ thay đổi yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu tính lãi của số tiền và vàng đã vay. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2, nhưng vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với ông T1 và bà N tại phiên tòa hôm nay.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về tiền vay: Theo bà T khai thì vào ngày 30/7/2016 ông T1 và bà N có vay của bà 05 chỉ vàng 24k và 23.000.000 đồng, đến ngày 28/8/2016 ã thì ông T1 làm giấy hỏi vàng và tiền. Hội đồng xét xử xét thấy: sau khi thụ lý Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và thông báo việc thu thập được tài liệu chứng cứ có nội dung là ông T1 và bà N đã vay của bà T 05 chỉ vàng 24k và 23.000.000 đồng. nhưng ông T1 và bà N vẫn không thể hiện ý kiến về số nợ này, từ đó Hội đồng xét xử xét thấy việc bà T yêu cầu ông T1 và bà N trả nợ cho bà số tiền 23.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật. Vì vậy Hội đồng xét xử căn áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc ông T1 và bà N có trách nhiệm trả cho bà T 23.000.000 đồng tiền vốn vay và 05 chỉ vàng 24k.

[2.2] Về lãi suất: Theo đơn khởi kiện thì bà T có yêu cầu ông T1 và bà N trả lãi từ ngày ông T1 ký nhận nợ vay 23.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k (28/8/2016 ã). Tại

phiên tòa bà T có thay đổi yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu ông T1 và bà N trả lãi của số tiền 23.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k. Hội đồng xét xử xét thấy việc bà T có thay đổi không tính lãi đối với số tiền và vàng đã vay, nhằm có lợi cho bị đơn, từ đó Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà T.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí tòa án, ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $[(23.000.000đ) + (3.300.000 \text{ đồng} \times 5 \text{ chỉ})] \times 5\% = 1.975.000 \text{ đồng}$.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28, 29, 36, 147, 244, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, về án phí, lệ phí Tòa án năm 2016;
- Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu ông T1 và bà N trả số vốn vay 23.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k. Buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị N trả cho bà Nguyễn Thị T số vốn vay là 23.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị N còn phải trả lãi cho bà T theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 1.975.000 đồng, ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị N phải chịu là 1.975.000 đồng (Một triệu, chín trăm, bảy mươi lăm nghìn đồng)

Bà Nguyễn Thị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 950.000 đồng từ Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005751, ngày 12/4/2017 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã thu.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- TAND tỉnh Sóc Trăng
- VKS-THA cùng cấp
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án

Trịnh Lệ Thúy